

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NHƠN TRẠCH
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 39/2019/HS-ST
Ngày 07-6-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHƠN TRẠCH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Thúc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lê Thị Kim Xuyên

Ông Thái Minh Trí

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Kim Yến – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch tham gia phiên tòa:

Ông Trần Quang Huy - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 33/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2019, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 39/2019/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 5 năm 2019 đối với:

1/ Bị cáo **Huỳnh Văn T** (tên gọi khác: C K), sinh ngày 19/01/1990 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Tổ 7 ấp X, xã L, huyện L, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 05/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Huỳnh Văn H (đã chết) và bà Nguyễn Thị Đ – sinh năm 1971, bị cáo chưa có vợ con;

Tiền án: Ngày 29/11/2016 bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm 06 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản. Đến ngày 13/01/2018 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không.

Nhân thân:

Ngày 18/01/2013 bị Ủy ban nhân dân huyện L ra Quyết định áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh bắt buộc tại Trung tâm giáo dục lao động xã hội tỉnh Đ, đến ngày 07/7/2015 chấp hành xong.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định tạm giam số 27/2019/HSST-QĐTG ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2/ Bị cáo **Trần Văn S** (tên gọi khác: Sơn r), sinh ngày 20/10/1984 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Xóm 5, xã T, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: làm thuê; trình

độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Xuân P (đã chết) và bà Chu Thị C – sinh năm 1972.

Tiền án:

+ Ngày 29/10/2008, bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh N xử phạt 54 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản và Cướp tài sản. Đến ngày 07/02/2012 chấp hành xong hình phạt tù. Đến nay, bị cáo chưa chấp hành xong trách nhiệm dân sự theo bản án.

+ Ngày 18/8/2016, bị Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù về tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có. Đến ngày 04/5/2017 chấp hành xong hình phạt tù.

Tiền sự: không

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định tạm giam số 25/2019/HSST-QĐTG ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3/ Bị cáo **Phạm Văn H** (tên gọi khác: không có), sinh ngày 25/8/1989 tại Nghệ An. Nơi cư trú: Ấp G, xã L, huyện Y, tỉnh Nghệ An; nghề nghiệp: công nhân; trình độ học vấn: 12/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H – sinh năm 1963 và bà Doãn Thị L – sinh năm 1954, bị có vợ tên Nguyễn Thị Thanh N – sinh năm 1992 và một con sinh năm 2013;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân: Ngày 25/6/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Nghệ An xử phạt 06 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản.

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định tạm giam số 26/2019/HSST-QĐTG ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

4/ Bị cáo **Nguyễn Ngọc N** (tên gọi khác: Nam T), sinh năm 1984 tại Đồng Nai. Nơi cư trú: Ấp B, xã P, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: làm thuê; trình độ học vấn: 09/12; dân tộc: kinh; tôn giáo: không; giới tính: nam; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn N – sinh năm 1960 và bà Lê Thị T – sinh năm 1963, bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị D – sinh năm 1984 và một con sinh năm 2016;

Tiền án, tiền sự: không

Nhân thân:

+ Ngày 26/6/2003 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đ xử phạt 18 tháng tù giam về tội Cướp tài sản đến ngày 04/6/2004 chấp hành xong hình phạt tù.

+ Ngày 23/6/2009 bị Ủy ban nhân dân huyện N ra quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, ngày 25/8/2011 chấp hành xong

Bị cáo đang bị áp dụng biện pháp tạm giam theo Quyết định tạm giam số 28/2019/HSST-QĐTG ngày 15/5/2019 của Tòa án nhân dân huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Bị hại:* Bà **Nguyễn Thị Thu H**, sinh năm 1993 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

Ông **Liều Sỹ X**, sinh năm 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 9 giờ 00 phút ngày 17/01/2019, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N, Trần Văn S đến nhà của Huỳnh Văn T tại ấp X, xã L, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai chơi. Tại đây, T đưa ma túy rủ H, N, S và Á (chưa rõ nhân thân) sử dụng. Sau đó, T rủ N, S, H trộm cắp tài sản bán kiếm tiền tiêu xài. Đến khoảng 13 giờ cùng ngày, T mang theo 01 chiếc túi ở trong có 01 chiếc kéo bằng sắt, 01 cây sắt tự chế dài, 01 cây mỏ lết, 01 cây kìm sắt, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 cây khóa bằng sắt để trong cốp xe của H. N điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 60C2 – 065.XX chở S, H điều khiển mô tô hiệu Nouvo biển kiểm soát 60Y2 – 41XX chở T. Khi đến ấp 3 xã L, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai thì thấy nhà ông Liều Sỹ X và bà Nguyễn Thị Thu H khóa cổng, không ai trông coi nên H và N đứng ngoài canh giới, còn S cầm 01 cây sắt tự chế dài 40cm, T cầm 01 cây mỏ lết vào cạy khóa cửa cổng. Khi vào đến cửa chính, S và T thay nhau dùng mỏ lết và cây sắt tự chế phá ổ khóa. S đi vào nhà tìm được chìa khóa xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX hiệu Vision màu trắng của bà H, còn T trộm 01 điện thoại di động hiệp Oppo A37 màu hồng của bà H. Sau đó, S điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX trộm được chở T, H điều khiển xe mô tô Nouvo biển kiểm soát 60Y2 – 413XX cùng chạy về nhà T, riêng N điều khiển mô tô biển kiểm soát 60C2 – 065.XX chạy về nhà N. Khi về đến nhà, S nói H đi tiêu thụ chiếc xe mô tô nên H điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX hiệu Vision đến quận B, thành phố Hồ Chí Minh bán cho một người không rõ nhân thân được số tiền 5.000.000đồng. H mang tiền về giao cho S, S chia cho T 1.600.000đồng, S nhận 1.000.000đồng, H được chia 1.400.000đồng, N được chia 1.000.000đồng, S đưa cho T giữ nhưng chưa đưa tiền cho N. Số tiền trên S, T, H đã tiêu xài hết. Đến 17 giờ 30 phút cùng ngày, ông X đi làm về thì phát hiện nhà bị trộm cắp và đến Công an xã L trình báo. Ngày 18/01/2019, nhận thấy hành vi của mình là sai trái nên T, H, S, N đến Công an xã L đầu thú.

Tang vật vụ án gồm:

+ 01 xe mô tô hiệu Nouvo màu đen biển kiểm soát 60Y2 – 41XX

+ 01 xe mô tô màu đen không rõ hiệu xe biển kiểm soát 60C2 – 065.XX

+ 01 chiếc túi màu xanh ngọc bên trong đựng 01 chiếc kéo bằng sắt màu đen, 01 cây sắt tự chế dài 40cm cán màu đen, 01 cây mỏ lết bằng sắt dài 25cm, 01 cây kìm sắt cán màu đỏ, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 cây khóa dòng bằng sắt dài 10cm đầu tròn phi 8mm

+ 01 điện thoại di động hiệp Oppo A37 màu hồng, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được

+ 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX hiệu Vision màu trắng, Cơ quan cảnh sát điều tra không thu giữ được

Tại Kết luận định giá tài sản số 09/KLDG-HĐĐG ngày 18/01/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Nhơn Trạch kết luận: 01 điện thoại di động hiệp Oppo A37 màu hồng giá trị sử dụng còn lại 40% giá trị 2.240.000đồng và 01 xe mô tô hiệu Vision màu trắng biển kiểm soát 92G1 – 090XX giá trị sử dụng còn lại 60% có giá trị 20.700.000đồng (bút lục 47-48).

Quá trình điều tra, bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Tại cáo trạng số 36/CT-VKS.HS ngày 09/5/2019, Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch truy tố bị cáo Trần Văn S về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và truy tố bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, bị hại và những người tham gia tố tụng khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai người làm chứng, tang vật thu giữ và các chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án cho thấy: Vào ngày 17/01/2019 Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt 01 điện thoại di động hiệp Oppo A37 màu hồng và 01 xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX hiệu Vision màu trắng của bà Nguyễn Thị Thu H tại ấp 3, xã L, huyện Nhơn Trạch, tỉnh Đồng Nai.

Xét có đủ căn cứ xác định hành vi của bị cáo Trần Văn S phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 và hành vi của bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N phạm tội “trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 như bản cáo trạng của Viện kiểm sát truy tố là có căn cứ.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Bản thân bị cáo Sơn đã từng phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm, bị cáo Trung thuộc trường hợp tái phạm nhưng vẫn không sửa đổi. Các bị cáo lười lao động, là đối tượng nghiện ma túy, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu tài sản để thực hiện hành vi trộm cắp thỏa mãn nhu cầu cá nhân của mình. Vì vậy, cần xét xử nghiêm nhằm răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy

nhiên xét cho các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, các bị cáo ra đầu thú riêng bị cáo N đã bồi thường cho bị hại, bị hại bãi nại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Vì vậy cần áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo N, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 đối với bị cáo T, S, H thể hiện chính sách nhân đạo, khoan hồng của pháp luật.

Đối với 01 xe mô tô hiệu Nouvo màu đen biển kiểm soát 60Y2 – 41XX và 01 xe mô tô màu đen không rõ hiệu xe biển kiểm soát 60C2 – 065.XX, do chưa xác định được nguồn gốc, chủ sở hữu nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau là phù hợp quy định pháp luật.

Đối với việc Huỳnh Văn T khai nhận cùng với Á có mua ma túy của một người tên M (chưa rõ nhân thân) về cùng sử dụng với Á, H, N, S. Do chỉ dựa trên lời khai, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch chưa làm việc được với người tên M, số ma túy trên T, N, S, H khai đã sử dụng hết nên không thu giữ được. Do đó, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Nhơn Trạch chưa có căn cứ xử lý, tiếp tục điều tra làm rõ xử lý sau.

*** Về vật chứng:**

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 ; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự 2015

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi màu xanh ngọc, 01 chiếc kéo bằng sắt màu đen, 01 cây sắt tự chế dài 40cm cán màu đen, 01 cây mỏ lết bằng sắt dài 25cm, 01 cây kìm sắt cán màu đỏ, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 cây khóa dòng bằng sắt dài 10cm đầu tròn phi 8mm là tang vật vụ án.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N và bị hại Nguyễn Thị Thu H về trách nhiệm bồi thường giá trị chiếc xe mô tô biển kiểm soát 92G1 – 090XX và giá trị chiếc điện thoại Oppo A37 màu hồng, mỗi bị cáo đồng ý bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.735.000đồng.

Tại phiên Tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị áp dụng điểm g khoản 2, khoản 1 Điều 173; điểm b,s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm b khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt:

- + Bị cáo Trần Văn S từ 30 đến 36 tháng tù
- + Bị cáo Huỳnh Văn T từ 18 đến 20 tháng tù
- + Bị cáo Phạm Văn H từ 16 đến 18 tháng tù
- + Bị cáo Nguyễn Ngọc N từ 12 đến 14 tháng tù

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận bồi thường của bị cáo T, S, H và bị hại H. Về án phí đề nghị buộc các bị cáo chịu theo luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát về tội danh, điều luật áp dụng phù hợp với nhận định trên nên cần chấp nhận, riêng mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị xử phạt với các bị cáo là cao so với hành vi phạm tội của các bị cáo.

- Về án phí: Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016, bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm 200.000đồng. Về án phí dân sự sơ thẩm bị cáo T, S, H mỗi người phải chịu 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm đ khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Trần Văn S phạm tội: “ Trộm cắp tài sản ”.

Xử phạt bị cáo Trần Văn S 02 (hai) năm 04 (bốn) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 và điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Huỳnh Văn T phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Huỳnh Văn T 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Phạm Văn H phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn H 01 (một) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ khoản 1 Điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Ngọc N phạm tội: “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc N 08 (tám) tháng tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 18 tháng 01 năm 2019.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 ; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017

* Về vật chứng:

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc túi màu xanh ngọc, 01 chiếc kéo bằng sắt màu đen, 01 cây sắt tự chế dài 40cm cán màu đen, 01 cây mỏ lết bằng sắt dài 25cm, 01 cây kìm sắt cán màu đỏ, 01 cuộn băng keo màu đen, 01 cây khóa dòng bằng sắt dài 10cm đầu tròn phi 8mm là tang vật vụ án. Vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục

thi hành án dân sự huyện Nhơn Trạch theo quyết định chuyển vật chứng số 22/QĐ-VKS – NT ngày 09/5/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhơn Trạch.

Về trách nhiệm dân sự:

Căn cứ khoản 1 Điều 48 Bộ luật tố tụng hình sự 2015 ; Điều 584, 585, 586, 590 Bộ luật dân sự năm 2015

Ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận của các bị cáo Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H mỗi người bồi thường cho bà Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.735.000 đồng là giá trị chiếc xe mô tô hiệu Vision màu trắng biển kiểm soát 92G1 – 090XX và giá trị chiếc điện thoại Oppo A37 màu hồng.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 23, Điều 26 Nghị quyết 326/2013/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016.

Về án phí: Bị cáo H Huỳnh Văn T, Trần Văn S, Phạm Văn H, Nguyễn Ngọc N phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Huỳnh Văn T, Phạm Văn H, Trần Văn S phải chịu 300.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Báo cho bị cáo, bị hại biết được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS,THA, CA, TAT;
- Bị cáo, bị hại, người làm chứng;
- Lưu (HS, VP).

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM THẨM
PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Duy Thúc